TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BA** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 12- 2023
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hà Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: ông Kiều Công Ích và bà Vương Thị Thu

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Hậu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: bà Hoàng Thị Thu Hà- Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 127/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân gia đình; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 63/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07/12/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Trì Thị Q, sinh năm 1987.
Địa chỉ: Khu B, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ
- *Bị đơn:* anh Mai Quốc T, sinh năm 1982.
Địa chỉ: Khu B, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.
(Chị Q có mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Trì Thị Q trình bày:

Chị và anh Mai Quốc T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 20/12/2005 tại UBND xã T (nay là xã H), huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại khu B (Khu E, xã T cũ), xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm đầu, sau đó anh T chơi bời cờ bạc, rượu chè, chửi bới đánh đập chị. Vợ chồng đã sống ly thân kể từ tháng 12/2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Mai Thị Thanh H, sinh ngày 01/10/2005 và cháu Mai Quốc A, sinh ngày 08/4/2007. Hiện nay cháu H đang đi học đại học và đã trưởng thành, chị tự có trách nhiệm với con, chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị H xin được nuôi cháu A và không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, đất nông nghiệp: không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Mai Quốc T trình bày:

Anh và chị Trì Thị Q tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã T (nay là xã H), huyện T, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc không xảy ra mâu thuẫn gì. Thi thoảng vợ chồng cũng có nói nhau nhưng theo anh T nguyên nhân đó không lớn đến mức phải ly hôn. Khoảng 01 năm nay, chị Q đi làm ăn xa không về nhà. Nay chị Q xin ly hôn, anh không nhất trí, anh đề nghị Tòa án hòa giải để cho vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Mai Thị Thanh H, sinh ngày 01/10/2005 và cháu Mai Quốc A, sinh ngày 08/4/2007. Hiện nay các con đã lớn, nếu ly hôn xảy ra anh tôn trọng ý kiến của các cháu, để cho các cháu tự quyết định.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, đất nông nghiệp: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của HĐXX kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật;

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Chị Q (nguyên đơn) thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng; anh T (bị đơn) chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng (không tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa).

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Trì Thị Q được ly hôn anh Mai Quốc T.

+ Về con chung: Giao cháu Mai Quốc A, sinh ngày 08/4/2007 cho chị Trì Thị Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Q không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ), công sức: không yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị Trì Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp xin ly hôn giữa chị Trì Thị Q và anh Mai Quốc T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh T1 có hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay tại khu B, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Trì Thị Q và anh Mai Quốc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã H), huyện T, tỉnh Phú Thọ ngày 20/12/2005 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên đã mất lòng tin ở nhau, bất đồng quan điểm sống và sinh hoạt hàng ngày. Qua việc xác minh ý kiến của Chính quyền địa phương cũng như Hội phụ nữ xã H cho biết: quá trình chị Q và anh T xảy ra mâu thuẫn và xin ly hôn, chính quyền địa phương không nắm rõ nguyên nhân mâu thuẫn của hai vợ chồng, do anh chị không đề nghị hòa giải ở cơ sở. Hiện nay chị Q không chung sống cùng anh T và bố mẹ anh T. Hai vợ chồng đã sống ly thân khoảng 01 năm nay. Nay chị Q và anh T xin ly hôn địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định pháp luật trên cơ sở bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em.

Anh T1 có nguyện vọng xin được đoàn tụ, tuy nhiên anh T1 không đưa ra giải pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình Tòa án thực hiện hòa giải nhưng anh T1 đã bỏ về không tham gia hòa giải. Hơn nữa, chị Q và anh T1 đã sống ly thân nhau hơn 01 năm, không còn chung kinh tế và quan tâm đến nhau.

Có thể thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Q và anh T1 không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét nên xử cho chị

Q được ly hôn anh T1 là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Chị Q và anh T1 có 02 con chung là cháu Mai Thị Thanh H, sinh ngày 01/10/2005 và cháu Mai Quốc A, sinh ngày 08/4/2007. Hiện nay cháu H đã trưởng thành đủ 18 tuổi chị Q và anh T1 không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với cháu Mai Quốc A hiện đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng muốn ở cùng với mẹ, chị Q có nguyện vọng nuôi cháu A, vì vậy, xét giao cháu A cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Q, do chị Q không yêu cầu

* Về tài sản chung, công nợ (nghĩa vụ chung về tài sản), công sức: chị Q và anh T1 xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Q phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trì Thị Q được ly hôn anh Mai Quốc T.

[2]. Về con chung: Giao chị Trì Thị Q trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Mai Quốc A, sinh ngày 08/4/2007 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Q, do chị Q không yêu cầu

Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Chị Trì Thị Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001801 ngày 16/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ. Chị Q đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Trì Thị Q có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Mai Quốc T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ

ngày nhận được bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh PT
- VKSND huyện Thanh Ba;
- Các Đương sự;
- Chi cục THADS h Thanh Ba;
- UBND xã Hanh Cù.
- Lưu HS; VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hà Thanh Loan